

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 158/AEONVN/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 30, Đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+84) 28 6288 7711

Fax:

E-mail: pqa@aeon.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0311241512

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày Cấp/Nơi cấp:

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm:

TƯƠNG ỚT

2. Thành phần:

Nước, ớt muối nghiền (15 %), đường, chất làm dày (INS 1422, INS 466, INS 415), muối i-ốt, chất điều vị (INS 621), chất điều chỉnh độ acid (INS 260), chất ổn định (INS 452(i)), chất bảo quản (INS 202), hương liệu tổng hợp (hương tỏi), phẩm màu tổng hợp (INS 150c, INS 110, INS 124), chất tạo ngọt nhân tạo (INS 951)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

Sản phẩm được đóng gói theo quy cách 270 g hoặc quy cách khác tùy theo nhu cầu của khách hàng và được thể hiện rõ trên nhãn sản phẩm.

4.2. Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong bao bì nhựa (chai nhựa PET, nắp HDPE, nút trong LDPE) phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Tên cơ sở sản xuất: CÔNG TY TNHH YILIN VIỆT NAM

Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô K4C, Đường Số 4, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Xã Bình Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Xem mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm.



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư số 24/2019/TT- BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Tiêu chuẩn Nhà sản xuất về giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 09 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



NGUYỄN THỊ DUY XUÂN



THÀNH PHẦN/ INGREDIENTS:

Nước, ớt muối nghiền (15%), đường, chất làm dày (INS 1422, INS 466, INS 415), muối i-ốt, chất điều vị (INS 621), chất điều chỉnh độ acid (INS 260), chất ổn định (INS 4520i), chất bảo quản (INS 202), hương liệu tổng hợp (hương tỏi, phẩm màu tổng hợp INS 150c, INS 110, INS 124), chất tạo ngọt nhân tạo (INS 951).

Water, salted grinder chili (15%), sugar, thickeners (INS 1422, INS 466, INS 415), iodized salt, flavor enhancer (INS 621), acidity regulator (INS 260), stabilizer (INS 4520i), preservative (INS 202), synthetic flavoring (garlic flavor), synthetic colouring agents (INS 150c, INS 110, INS 124), artificial sweetener (INS 951).

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/ INSTRUCTIONS FOR USE:

Dùng làm nước chấm hoặc gia vị.
Used as a dipping sauce or condiment.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN/ STORAGE INSTRUCTIONS:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Store in a cool, dry place and avoid direct sunlight.
Nên bảo quản lạnh sau khi mở nắp.
Refrigerate after opening.

THÔNG TIN CẢNH BÁO/ WARNINGS:

Không sử dụng sản phẩm khi đã hết hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng. / Do not use the product if expired or shows signs of damage.
Không sử dụng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm. / Do not consume if you have a food allergy to any of the product ingredients.

HACCP

Thông tin dinh dưỡng (tính trên 100g) (*)

Năng lượng	Chất đạm	Carbohydrate	Hương tổng hợp	Natri
Energy	Protein	Carbohydrate	Total Sugars	Sodium
(kcal)	(g)	(g)	(g)	(mg)
66.2	3.0	14.7	40.3	1390

(*) Giá trị dinh dưỡng không thấp hơn 20% giá trị ghi nhãn.
Nutritional value not less than 20% of the labeled value.
Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa. / For illustration purposes only.

HACCP

TƯƠNG ỚT
CHILI SAUCE

TOPVALU

TRỌNG LƯỢNG TÍNH
NET WEIGHT
270 g

THỜI HẠN SỬ DỤNG/ SHELF LIFE:

12 tháng kể từ ngày sản xuất.
12 months from the manufacturing date.

NSK/ HSD: Xem trên bao bì.

MFG/ EXP: See on the package.

SẢN PHẨM CỦA/ PRODUCT OF:

CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM

AEON VIETNAM CO., LTD

Địa chỉ/ Address: Số 30, đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ No. 30, Tan Thang Street, Tan Son Nhì Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

SẢN XUẤT TẠI/ MANUFACTURING AT:

CÔNG TY TNHH YILIN VIỆT NAM

YILIN VIETNAM CO., LTD

Địa chỉ/ Address: Lô K4C, Đường Số 4, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Xã Bình Lợi, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ Lot K4C, Road 4, Le Minh Xuan Industrial Park, Binh Loi Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Sản phẩm này được sản xuất theo hợp đồng sử dụng nhãn tượng sở hữu công nghiệp.

This product is manufactured under a licensing agreement for industrial property objects.



936213 190417

HACCP

Thông tin dinh dưỡng (tính trên 100g) (*)

Năng lượng	Chất đạm	Carbohydrate	Hương tổng hợp	Natri
Energy	Protein	Carbohydrate	Total Sugars	Sodium
(kcal)	(g)	(g)	(g)	(mg)
66.2	3.0	14.7	40.3	1390

(*) Giá trị dinh dưỡng không thấp hơn 20% giá trị ghi nhãn.
Nutritional value not less than 20% of the labeled value.
Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa. / For illustration purposes only.

HACCP

TƯƠNG ỚT
CHILI SAUCE

TOPVALU

TRỌNG LƯỢNG TÍNH
NET WEIGHT
270 g



NHÂN SÀN PHẨM DỰ KIẾN



Văn bản này được xác thực tại <http://eoffice.aeon.com.vn/> với số định danh: AEON.2026.1807



AR-26-VD-158875-01-VI / EUVNHC-00439239- Trang : 1 / 3

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM

Số 30 , Đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : QHO72606150313-KA

Mã số mẫu : 743-2026-00152126

Mã số Eol : 005-32410-808530
Tên mẫu / Tên sản phẩm : TƯƠNG ỚT
Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu : 15/06/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 17/06/2026 - 24/06/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 22/06/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM			ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD157	VD	(a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	0.46
2	VD210	VD	(a) Độ ẩm	%	EVN-R-RD-2-TP-3496	80.3
3	VD297	VD	(a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497	3.76
4	VDYL7	VD	(a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498	Phát hiện vết(<0.3)
5	VDS54	VD	(a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	0.77
6	VDERJ	VD	(m) Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	14.5
7	VD9T0	VD	(m) Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	64
8	VD4P0	VD	(a) Fructose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
9	VD4P0	VD	(a) Glucose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
10	VD4P0	VD	(a) Lactose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
11	VD4P0	VD	(a) Maltose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
12	VD4P0	VD	(a) Sucrose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	10.7
13	VD4P0	VD	(a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	10.7
14	VD6ZP	VD	(a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-41932 (Ref. AOAC2011.14)	1490

Phát hiện vết: kết quả $\geq$ LOD và $<$ LOQ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.



AR-26-VD-158875-01-VI / EUVNHC-00439239- Trang : 2 / 3

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00152126



Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/06/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/06/2026.



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.





AR-26-VD-156114-01-VI / EUVNHC-00439239- Trang : 1 / 3

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM

Số 30 , Đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : QHO72606150313-KA

Mã số mẫu : 743-2026-00152127

Mã số Eol : 005-32410-808531
Tên mẫu / Tên sản phẩm : TƯƠNG ỚT
Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu : 15/06/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 17/06/2026 - 20/06/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 22/06/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Tham khảo DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
2	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Tham khảo DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
3	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Không phát hiện (LOD=0.5)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00152127



Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/06/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/06/2026.



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





AR-26-VD-156115-01-VI / EUVNHC-00439239- Trang : 1 / 3

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM

Số 30 , Đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : QHO72606150313-KA

Mã số mẫu : 743-2026-00152128

Mã số Eol :

005-32410-808532

Tên mẫu / Tên sản phẩm :

TƯƠNG ỚT

Mô tả mẫu :

Mẫu đựng trong túi nhựa

Ngày nhận mẫu :

15/06/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 22/06/2026

Thời gian kiểm nghiệm :

19/06/2026 - 20/06/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
2	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
3	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
4	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



AR-26-VD-156115-01-VI / EUVNHC-00439239- Trang : 2 / 3

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00152128



Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/06/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/06/2026.



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





AR-26-VD-156116-01-VI / EUVNHC-00439239- Trang : 1 / 3

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM

Số 30, Đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : QHO72606150313-KA

Mã số mẫu : 743-2026-00152129

Mã số Eol :

005-32410-808533

Tên mẫu / Tên sản phẩm :

TƯƠNG ỚT

Mô tả mẫu :

Mẫu đựng trong túi nhựa

Ngày nhận mẫu :

15/06/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 22/06/2026

Thời gian kiểm nghiệm :

15/06/2026 - 22/06/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD354 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 ISO 16649-3:2015	Không phát hiện (LOD=0)
3	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007; ISO 4832:2006	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD2NW VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	MPN/ g	ISO 6888-3:2003	Không phát hiện (LOD=0)
5	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện
6	VD8T2 VD Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-1:2010; ISO 21527-1:2008	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



AR-26-VD-156116-01-VI / EUVNHC-00439239- Trang : 2 / 3

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00152129



Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 25/06/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 25/06/2026.



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





AR-26-VD-166510-01-VI / EUVNHC-00439239- Trang : 1 / 3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM

Số 30, Đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : QHO72606150313-KA

Mã số mẫu : 743-2026-00152130

Mã số Eol :

005-32410-808534

Tên mẫu / Tên sản phẩm :

TƯƠNG ỚT

Mô tả mẫu :

Mẫu đựng trong túi nhựa

Ngày nhận mẫu :

15/06/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 24/07/2026

Thời gian kiểm nghiệm :

16/06/2026 - 21/07/2026

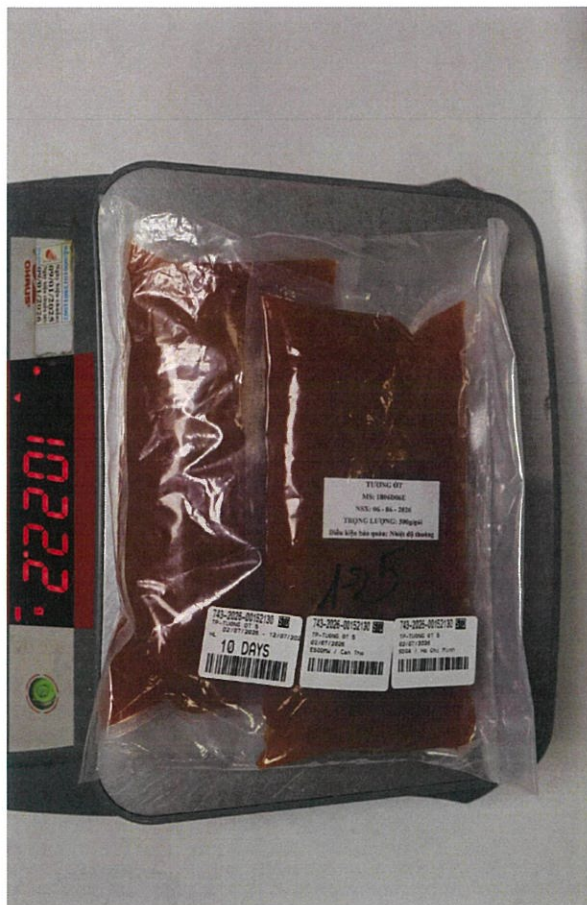
STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD290 VD (a) Sulfur dioxide (SO ₂)	mg/ kg	AOAC 990.28	Không phát hiện (LOD=3)
2	VD30A VD (a) Kali sorbat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Tham khảo ISO 22855:2008; TCVN 8122:2009)	700
3	VD5RS EXT Sunset Yellow	mg/ kg	HD.TN.164:2017 (HPLC-PDA)	72.8
4	VD5S3 EXT Sunset yellow.FCF (FD&C yellow No.6)	mg/ kg	FST-WI01 chapter 62 (Ref. Application Note 5990-9525 EN)	Phát hiện (LOD=5)
5	VD5RI EXT Ponceau 4R (E124)	mg/ kg	HD.TN.164:2017 (HPLC-PDA)	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD5HV VD Aspartam (E951)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5623 (2019) (Tham khảo BS EN 12856:1999)	162.4

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00152130



Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 27/07/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 27/07/2026.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thí nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

